TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 127/2020/HNGĐST
Ngày: 26/3/2010
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Nguyệt***

Các hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Đình Đạt***

2. Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

- T ký phiên tòa: ***Bà Nguyễn Minh Ngọc*** – T ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26/03/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 771/2020/TLST – HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc: "**Tranh chấp ly hôn"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 /2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 / 02 /2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 05/03/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T , sinh năm 1980

HKTT: B9 Tập thể nhà máy G - C – phường Đ – Long Biên – Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Đức T1 , sinh năm 1979

HKTT: B N - phường Đ – quận Long Biên – Hà Nội.

(Vắng mặt,Theo quyết định số 77/2019 ngày 27/9/2019 của TAND quận Long Biên ,T.P Hà Nội đã tuyên bố anh Bùi Đức T1 mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị và anh Bùi Đức T1 kết hôn do hai bên tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/03/2008 tại UBND phường Đức Giang – Long Biên – Hà Nội.

Do quá trình sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, khác biệt quan điểm sống, anh T1 chơi bời cờ bạc dẫn đến phá tán hết tài sản và bỏ đi mất tích từ 2014, từ đó đến nay chị không rõ anh T1 đi đâu, làm gì. Chị đã yêu cầu Tòa án quận Long Biên tuyên bố anh T1 mất tích ,Theo quyết định số 77/2019

ngày 27/9/2019 của TAND quận Long Biên đã tuyên bố anh Bùi Đức T1 mất tích. Do mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị được ly hôn với anh Bùi Đức T1 .

- Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung, nguyện vọng chị xin nuôi cả 02 con chung là Bùi Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Đức Giang, sinh ngày 22/9/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết do hiện nay anh Bùi Đức T1 mất tích nên không thể chăm sóc, nuôi dưỡng các con,chị làm giáo viên dậy khoa Tiếng Trung,trường Đại học Hà Nội , mức lương 9.000.000 đồng/ 01 tháng đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. .

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Đức T1 không có lời khai do đã bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51; 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T đối với anh Bùi Đức T1 .

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Bùi Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Đức Giang, sinh ngày 22/9/2009 cho chị T1 được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con đối với anh T1 do chị T không yêu cầu và do anh T1 hiện bị tuyên bố mất tích .

Tài sản chung : Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét

Về án phí: Chị T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh T nộp đơn khởi kiện vụ án về việc: Tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là anh Bùi Đức T1 có hộ khẩu T ờng trú và nơi cư trú cuối cùng tại: 531 Ngô Gia Tự - phường Đức Giang – quận Long Biên – Hà Nội. Do đó, TAND quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Toà án nhân dân quận Long Biên đã quyết định đưa vụ án Hôn nhân gia đình ra xét xử ngày 05/ 03 / 2020, anh T1 đã có quyết định tuyên bố mất tích, Tòa án

đã niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Bùi Đức T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/03/2008 tại UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh T1 - phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nôi thể hiện: Anh T1 và chị T cùng cư trú tại đia chỉ 531 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Tuy nhiên đến năm 2014 anh T1 đã bỏ đi nơi khác. Gia đình anh T1 cũng bán nhà chuyển đi nơi khác sinh sống. Năm 2008, Phòng Cảnh sát kinh tế - thành phố Hà Nội đã có lệnh truy nã đối với anh Bùi Đức T1 liên quan đến việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện nay, anh T1 đang làm gì, ở đâu địa phương không nắm được.

Tháng 4/2016 anh T1 bỏ nhà đi không có tin tức gì. Chị T đã tìm kiếm anh T1 nhiều nơi nhưng vẫn không nhận được tin tức gì của anh T1 . Chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án quận Long Biên tuyên bố anh T1 mất tích. Theo quyết định số 77/2019 ngày 27/9/2019 của TAND quận Long Biên đã tuyên bố anh Bùi Đức T1 mất tích,quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Cho đến nay, chị T cũng như địa phương phường Đức Giang, quận Long Biên là nơi cư trú cuối cùng của anh T1 cũng không có tin tức gì đối với anh T1 .

Xét thấy từ năm 2014 đến nay anh T1 bỏ đi mất tích, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp điều 56 luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung:

Anh T1 và chị T có 02 con chung là: Bùi Nguyễn Đức M, sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Đức G sinh ngày 22/9/2009. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh T1 đóng góp phí tổn nuôi con. Hội đồng xét xử thấy : Hiện anh T1 mất tích từ tháng 4/2016 không tin tức, liên lạc với chị T và các con. Các con hiện đang ở với chị T , hai cháu có nguyện vọng xin ở với mẹ nên giao con cho chị T nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung với anh T1 là phù hợp điều 81, 82 luật HNGĐ.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Chị T chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T đối với anh Bùi Đức T1 . Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn anh Bùi Đức T1 .

2. Về con chung:

Xác nhận chị T và anh T1 có 02 con chung là Bùi Nguyễn Đức M - sinh ngày 31/3/2008 và Bùi Đức G - sinh ngày 22/9/2009.

Sau khi ly hôn chị T1 được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay thế theo quy định pháp luật.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm non, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng chị đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0015825 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

5. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Bùi Đức T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND quận Long Biên;*
- *Chi cục THADS quận Long Biên, Hà Nội;*
- *UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội (Nơi đăng ký kết hôn ngày 06/03 /2008)*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*